

Bản án số: 03/2025/HNGĐ -
ST Ngày: 10 - 3 -2025.
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI - TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bảo Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tiến Tùng**;
2. Ông **Phạm Văn Ngộ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Quỳnh** - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P** - sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Nông Văn B** - sinh năm 1989. Trú tại: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Phương trình B1:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị P và anh Nông Văn B có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 15/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Nông Văn B tại xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống chỉ hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian ngắn thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị P và anh B không có tiếng nói chung trong việc sắp xếp cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng có lúc xảy ra cãi vã. Năm 2018 do mâu thuẫn trầm trọng

nên chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Từ năm 2018 đến nay chị P và anh B sống ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, không có sự quan tâm, liên lạc, chia sẻ và trách nhiệm với nhau để cùng xây dựng cuộc sống gia đình.

Nay, chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

** Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị và anh B có 01 (một) con chung là Nông Thị V, sinh ngày 07/6/2013, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung vì hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định, các điều kiện sống cũng như thu nhập của chị P đủ để đảm bảo nuôi sống và phát triển cho con chung. Chị P chung sống cùng với bố mẹ đẻ. Gia đình chị P đồng ý cho chị P và cháu Nông Thị V cùng chung sống và hỗ trợ được chị P trong việc nuôi dưỡng con. Thực tế thời gian qua chị P và cháu Nông Thị V vẫn chung sống ổn định cùng mẹ đẻ chị P. Chị P đảm bảo kinh tế để chăm sóc cháu V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

** Về vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

2. Đối với bị đơn Nông Văn B:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Nông Văn B theo nơi cư trú nhưng anh B không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án theo quy định. Anh B cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ nhà anh B để giao, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không lần nào gặp được anh B.

Vì lý do trên, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, thông báo, tổng đạt các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh B. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định: Việc mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị P và anh B là thực tế, đã diễn ra trong thời gian dài từ năm 2018 đến nay và không thể hàn gắn được.

4. Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.
- Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại

các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là Nông Thị V, sinh ngày 07/6/2013 cho Chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn Nông Văn B có nơi cư trú tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Nông Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228/BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị P, bị đơn Nông Văn B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nông Văn B có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 15/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Nông Văn B tại xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc trong thời gian ngắn

thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh B không hợp tính tình, không có tiếng nói chung trong việc sắp xếp cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên năm 2018 đến nay chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Chị P và anh B đã chính thức ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình ly thân, mỗi người một cuộc sống riêng, hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ và cùng có trách nhiệm với nhau để cùng xây dựng cuộc sống gia đình. Mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn duy trì tình nghĩa vợ chồng. Nay chị P khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh B và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Như vậy, phải khẳng định rằng quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh B đã có nhiều mâu thuẫn, xảy ra trong thời gian dài, ngày càng trầm trọng, đã ly thân, anh chị không còn tiếng nói chung, không có khả năng hàn gắn. Với tình trạng cuộc sống hôn nhân như trên là có vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng. Chị P và anh B không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống; Hôn nhân giữa chị P và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh B.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nông Văn B có 01 (một) con chung là Nông Thị V, sinh ngày 07/6/2013, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ly thân chị P là người tạo ra thu nhập để nuôi dưỡng con chung và đảm bảo cho con chung được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt. Chị P có thu nhập ổn định trung bình khoảng 11.000.000đ/01 tháng. Hơn nữa, chị P hiện cùng chung sống với bố mẹ đẻ ở thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Bố mẹ đẻ chị P đồng ý cho chị P và cháu V cùng chung sống và hỗ trợ được chị P trong việc nuôi dưỡng con. Tòa án không tiến hành làm việc được với anh B, anh B không cung cấp thông tin cụ thể cho Tòa án nên Tòa án không xác định được cụ thể về điều kiện nuôi con của anh B.

Do vậy, xét về điều kiện nuôi con của chị P là đảm bảo và **phù hợp với việc duy trì sự ổn định, hạn chế xáo trộn môi trường sống và giáo dục của con chung.** Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị P: Giao con chung Nông Thị V, sinh ngày 07/6/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nông Văn B.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung là Nông Thị V, sinh ngày 07/6/2013 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Nông Thị V đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu anh Nông Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nông Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: **0001912**, ngày **11/11/2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị P, bị đơn Nông Văn B đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện Chợ Mới (03b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (01b);
- Các đương sự (02b);
- UBND xã **Nông Hạ**;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bảo Thanh Toàn